

Số: 182 /QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 26 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực Đường bộ của ngành Giao thông vận tải
áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22 tháng 4 năm 2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT, ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Hà Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Đường bộ của ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (Có danh mục và nội dung TTHC kèm theo).

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, PVHCC.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sơn

Phần I.

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH
VỰC ĐƯỜNG BỘ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI ÁP DỤNG TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số 1182/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)*

STT	Mã TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
A	Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải		
I	Lĩnh vực: Đường bộ		
1	1.002809	Đổi Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	<i>Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/4/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT, ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ</i>



Phần II.**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Đã được tái cấu trúc quy trình, kỹ thuật chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu điện tử
thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

Mã thủ tục: 1.002809				
Tên thủ tục: Đổi Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp				
1. Cấp thực hiện: Cấp tỉnh.				
2. Lĩnh vực: Đường bộ.				
3. Trình tự thực hiện:				
3.1	Nộp hồ sơ TTHC:			
<p>Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải. Giấy phép lái xe được đổi trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giấy phép lái xe bằng giấy bìa đang lưu hành còn thời hạn sử dụng được đổi sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET. + Giấy phép lái xe có thời gian thực hiện việc đổi giấy phép lái xe trước khi hết thời hạn sử dụng; Giấy phép lái xe bị hỏng; + Người có Giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ được đổi Giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống; + Năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên Giấy phép lái xe có sai lệch so với năm sinh, họ, tên, tên đệm trên giấy chứng minh nhân dân. 				
Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc DVBCCI hoặc DVC trực tuyến một phần.				
Địa điểm gửi hồ sơ:				
<p>- Trực tiếp hoặc DVBCCI: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang</p> <p>- Trực tuyến: Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).</p>				
Thành phần hồ sơ:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
1	Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.	Bản chính văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc Biểu mẫu eform	01
2	Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, (trừ người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3)	Bản chính văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01



3	Giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).	Bản sao văn bản giấy	Bản scan, Bản chụp	01
---	---	----------------------	--------------------	----

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC:

Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ, thẩm định hồ sơ, xác minh (nếu Giấy phép lái xe xin đổi không do cơ quan đó cấp) cấp đổi Giấy phép lái xe và cắt góc Giấy phép lái xe cũ (trừ giấy phép lái xe do nước ngoài cấp).

Khi đến thực hiện thủ tục đổi giấy phép lái xe, người lái xe được chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ nêu trên (trừ các bản chính đã gửi) để đối chiếu.

Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua DVBCCI

Địa điểm trả kết quả: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang, số 519, đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Kết quả giải quyết:

STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn, kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
1	Giấy phép lái xe. - Thời hạn của Giấy phép lái xe: + Giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 không có thời hạn. + Giấy phép lái xe hạng B1 cấp cho người lái xe có thời hạn đến đủ 55 tuổi đối với nữ và đến đủ 60 tuổi đối với nam; trong trường hợp người lái xe trên 45 tuổi đối với nữ và trên 50 tuổi đối với nam thì giấy phép lái xe được cấp có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp. + Giấy phép lái xe hạng A4,	Bản chính		01

	B2 có thời hạn 10 năm, kể từ ngày cấp + Giấy phép lái xe hạng C, D, E, FB2, FC, FD, FE có thời hạn 05 năm, kể từ ngày cấp.			
4	Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5	Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.			
6	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: - Cơ quan thực hiện: Sở Giao thông vận tải. - Cơ quan phối hợp: Không có. - Cơ quan có thẩm quyền: Sở Giao thông vận tải.			
7	Phí, lệ phí (nếu có): 135.000 đồng/lần.			
8	Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Giấy phép lái xe phải có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấy phép lái xe (sổ quản lý).			
9	Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT, ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe. - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT, ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe. - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ nộp và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. - Quyết định 286/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021 của Bộ Giao thông Vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông Vận tải. - Thông tư số 04/2022/TT-BGTVT ngày 22/4/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT, ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.			
10	Mẫu thành phần hồ sơ: (có biểu mẫu thành phần hồ sơ kèm theo).			

**Ghi chú: Nội dung TTHC được sửa đổi, bổ sung về: Thành phần hồ sơ và căn cứ pháp lý*



MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE (1)
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT
 ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)

Tôi là:.....Quốc tịch:.....

Sinh ngày:...../...../..... Nam, Nữ:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....

Nơi cư trú:.....

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):

..... cấp ngày / /.....

Nơi cấp:..... Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;
- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;
- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm (2).

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

(2): Trường hợp già khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe già hoặc hồ sơ lái xe già; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.